

Bản án số: 88/2019/HS-PT
Ngày 19 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Huân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hoa và ông Phạm Quang Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 128/2019/TLPT- HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Công T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Bùi Công T, sinh ngày 13/10/1987; nơi cư trú: Khu 6, xã M, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công Đ và bà Đàm Thị M1; vợ: Đặng Thị Th (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương “có mặt”.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ tình cảm nên tháng 02/2019 chị Nguyễn Thị Thu U có vay của Bùi Công T số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là khoản tiền T cầm cố chiếc điện thoại của mình và tiền tích góp được đưa cho U vay, đến tháng 03/2019 chị U đưa cho T giấy Chứng minh nhân dân và thẻ ATM của mình và nhờ T đứng ra cầm cố để vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của anh Đỗ Viết T1. Tổng cộng 02 lần vay là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), số tiền này

chị U sử dụng để chi tiêu cá nhân, chưa trả lại T. Đến khoảng đầu tháng 4/2019 chị U chia tay, cắt đứt quan hệ tình cảm với T. Ngày 07/4/2019, T đã ứng tiền của mình để trả cho anh T1 và chuộc lại Chứng minh nhân dân + thẻ ATM đồng thời nhắn tin thông báo để chị U biết.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 08/4/2019, chị U một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave RSX, biển kiểm soát: 88C1 - 103.72 đi từ khu công nghiệp KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc đến phòng trọ của T tại phường TC, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc để lấy lại Chứng minh nhân dân và thẻ ATM của mình. Khi gặp nhau, chị U và T cùng ngồi nói chuyện, chị U đề nghị trả lại Chứng minh nhân dân và thẻ ATM nhưng T yêu cầu chị U ở lại nói rõ về chuyện tình cảm, mục đích muốn 02 bên tiếp tục hàn gắn tình cảm với nhau thì mới đồng ý trả. Quá trình ngồi nói chuyện, chị U nói dối bị đau bụng và nhờ T xoa bụng đồng thời bảo T đi đun nước để cả hai cùng tắm.

Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, lợi dụng lúc T đi pha nước tắm, U cầm Chứng minh nhân dân và thẻ ATM của mình mà T để ở trên bàn đi ra khỏi phòng, chốt then cửa phòng phía bên ngoài rồi bỏ về.

Khi chị U đang khởi động xe mô tô thì T phát hiện nên đã phá cửa phụ của phòng trọ chạy ra ngoài giữ chị U lại, sau đó T dùng mũ bảo hiểm treo ở xe đập 01 cái vào đầu chị U, dùng tay phải nắm 02 - 03 cái vào vùng mặt của chị U, lấy lại Chứng minh nhân dân, thẻ ATM và lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng trắng của chị U, đem tất cả về phòng của mình. T tiếp tục dùng tay kéo chị U xuống nhà bếp, vật chị U ngồi xuống đất dùng tay nắm vào mặt, môi của chị U mấy cái, rồi lấy 01 con dao bằng kim loại dài 30 cm, chuôi dao bằng gỗ màu đỏ dài 14 cm, rộng 03 cm, thân dao bằng kim loại màu đen dài 16 cm, rộng 04 cm dí vào cổ U và nói: “Mày có tin tao giết mày không, đằng nào tao đánh mày là tao cũng mang tội rồi” khoảng 3 - 4 giây, khi chị U kêu xin thì T bỏ dao ra khỏi cổ chị U. Do bức tức, T tiếp tục lấy 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi kéo bằng nhựa màu xanh, dài 20 cm đến dí vào ngực của chị U và nói “Mày có tin tao giết mày không”, chị U lại xin thì T bỏ kéo ra khỏi ngực của chị U.

Sau đó, T đóng cửa phòng trọ, yêu cầu chị U ngồi lên giường, còn T ngồi ở bàn để hai người nói chuyện. T tiếp tục đề cập đến vấn đề muốn hàn gắn lại tình cảm với chị U nhưng chị U không đồng ý và xin T cho đi về nhưng T không đồng ý. Trong lúc nói chuyện, T thấy chị U sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng trắng nên bảo chị U đưa điện thoại để kiểm tra, phát hiện thấy chị U đã xóa hết ảnh chụp chung giữa hai người khi còn đang yêu nhau nên T liền cầm chiếc điện thoại ném vào mặt chị U làm điện thoại rơi xuống đất và bị bung màn hình ra khỏi thân máy. Do tức giận về việc chị U đã xóa hết ảnh nên T lao đến dùng tay phải nắm 02 cái vào mặt, bụng và chửi bới

chị U rồi cả hai lại nói chuyện bình thường, T vẫn tiếp tục muốn hai bên nối lại tình cảm với nhau. Lúc này, chị U bật điện thoại lên thấy vẫn hoạt động được nên đã nhắn tin cho chị gái ruột là Nguyễn Thị Kim O và anh rể là Dương Văn Th đều trú tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc để cầu cứu đến giải thoát cho mình. T phát hiện chị U nhắn tin cầu cứu người khác nên xuống bếp cầm 01 con dao bằng kim loại dài 42 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, thân dao bằng kim loại màu đen dài 30cm, rộng 07cm mang lên phòng dí dao vào cổ chị U đe dọa, khoảng 3 - 4 giây, sau khi chị U xin tha thì T bỏ dao khỏi cổ chị U rồi hai bên ngồi nói chuyện bình thường. Đến khoảng 00 giờ ngày 09/4/2019, T biết không thể hàn gắn được tình cảm với chị U nên đã yêu cầu chị U viết giấy vay số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) mà chị U đã nhờ T đi vay hộ trước đó để làm căn cứ sau này đòi lại chị U. Chị U đồng ý, tự viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), để lại Chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM để làm tin. Chị U viết xong đưa cho T đọc nhưng T không đồng ý vì chị U viết số tiền không đúng với số tiền đã vay. Sau đó, chị U tiếp tục viết lại tờ giấy vay tiền khác với nội dung vay của T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) đưa cho T đọc nhưng T vẫn không đồng ý. Lúc này, T yêu cầu viết lại giấy vay tiền khác và bảo chị U trừ đi số tiền mà trước đó đã đi mua đồ dùng cá nhân cho T hết khoảng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) còn lại 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng), T bảo chị U viết giấy vay tiền với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) T cho chị U và yêu cầu viết giấy vay tiền đề ngày 01/4/2019 hạn đến ngày 01/5/2019 sẽ trả tiền, đồng thời đề nghị chị U để lại 01 chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 6s plus mà T làm hư hỏng để mang đi sửa chữa rồi trả lại, chị U đồng ý và tiếp tục viết giấy vay tiền lần thứ ba theo yêu cầu của T như trên.

Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 09/4/2019, khi chị U viết xong giấy vay tiền thì T mới cho chị U ra về. Khi chị U vừa đi ra đến vị trí dựng xe mô tô của mình ở sân thì thấy anh Th và em họ chị U là anh Hà Mạnh D cùng Công an phường TC, thành phố PY đến, triệu tập T và mời chị U cùng về trụ sở để làm việc đồng thời thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 110 ngày 11/4/2019, của Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với thương tích của chị Nguyễn Thị Thu U kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương rách niêm mạc môi dưới bên trái nằm ngang, xếp: 02%; Các vết xây xước da và bầm tím sung nề ở các vị trí khác trên cơ thể không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm thương tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể ở thời điểm hiện tại của chị U là 02%.

Tại bản kết luận giám định số 54 ngày 10/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố PY đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s kết luận: Chi phí công lắp lại màn hình vào thân máy điện thoại như ban đầu chưa bị hư hỏng của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng trắng, dung lượng 64Gb là 40.000 đ (Bốn mươi nghìn đồng).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Bùi Công T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2019 bị cáo Bùi Công T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Công T có ý kiến: Công nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội danh, không oan. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc giữ chị U của bị cáo mục đích là muốn thuyết phục chị U để hàn gắn tình cảm vì hai người đã yêu nhau; hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ bỏ đi không rõ địa chỉ, bị cáo phải nuôi con nhỏ, nên có nguyện vọng xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sau khi tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, sau khi đối chiếu với quy định của pháp luật, đã có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, xem xét việc bị cáo Bùi Công T có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm; mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo; Hội đồng xét xử có những nhận xét sau đây:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Công T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 00 ngày 08/04/2019 đến 02 giờ 00 phút ngày 09/04/2019 tại phòng trọ của T thuộc phường TC, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc, Bùi Công T đã có hành vi đánh, đe dọa và giữ chị Nguyễn Thị Thu U không cho chị U ra khỏi phòng trọ của mình trái với ý muốn của chị U. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 09/4/2019, sau khi nhiều lần nói chuyện nói lại tình cảm nhưng chị U vẫn không đồng ý thì T mới để chị U ra về. Khi T và U ra về, cùng lúc này công an phường TC đã có mặt yêu cầu T về trụ sở để làm việc.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Do vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY đã xét xử bị cáo Bùi Công T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Công T nhận thấy: Bị cáo có hành vi giữ chị Nguyễn Thị Thu U trái ý muốn là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Diễn biến vụ việc cho thấy, người bị hại U tự đến gặp bị cáo T tại phòng trọ, sau đó U đã có hành vi lợi dụng lúc T không có mặt, tự lấy Chứng minh nhân dân và thẻ ATM của mình, chốt then cửa phòng phía bên ngoài rồi bỏ về không trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là tiền T đã chuộc giúp các giấy tờ nêu trên. Đây là hành xử không đúng của người bị hại, đã gây kích động về tinh thần cho bị cáo T, là nguyên nhân dẫn đến việc T có hành vi đánh, giữ U lại để giải quyết việc tình cảm và công nợ. Mặt khác, sau khi không thuyết phục được U hàn gắn tình cảm và giải quyết xong việc công nợ, bị cáo đã tự để chị U ra về, chưa cần sự can thiệp của cơ quan bảo vệ pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T đã xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là vợ bị cáo sau khi ly hôn đã bỏ đi không rõ địa chỉ, bị cáo phải nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện giúp đỡ.

Bị cáo Bùi Công T có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện theo hướng dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP về những

trường hợp được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công T.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Bùi Công T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Công T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tên nêu trên, cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Bị cáo Bùi Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP.PY;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an TP. PY;
- TAND TP. PY;
- THADS TP.PY;
- UBND xã M, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu HS - Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Ngọc Huân

